

ĐỀ ÁN

**Xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp
viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc**

Bộ Dân tộc và Tôn giáo năm 2026

*(Kèm theo Quyết định số: **942/QĐ-BDTTG** ngày **30 tháng 12** năm **2025**
của Bộ Dân tộc và Tôn giáo)*

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

- Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; Thông tư 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính;

- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học;

- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức (Thông tư số 001/2025/TT-BNV).

- Thông tư Liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của liên Bộ Giáo dục và đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin; Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

- Căn cứ Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt của các đơn vị sự nghiệp thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

- Quyết định giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc Bộ.

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức bảo đảm đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo là nhiệm vụ cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng. Đây là cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của các đơn vị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý viên chức, góp phần kiện toàn tổ chức bộ máy và thúc đẩy sự phát triển bền vững, toàn diện của ngành dân tộc và tôn giáo.

Để đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; tạo cơ sở cho viên chức hiện đang xếp lương theo mã số, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định được xét nâng ngạch, thăng hạng viên chức; đồng thời bảo đảm việc sử dụng hiệu quả đội ngũ viên chức đã được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của viên chức; kịp thời thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với viên chức; động viên, khuyến khích viên chức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác; bố trí viên chức đúng vị trí việc làm, phù hợp với trình độ, năng lực và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của từng đơn vị sự nghiệp công lập, việc xây dựng Đề án **“Xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo”** là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp với vị trí việc làm, trình độ, năng lực của viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

- Lựa chọn, phân công viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, có trình độ chuyên môn, năng lực phù hợp với vị trí việc làm theo chức danh nghề nghiệp.

- Bảo đảm kịp thời chế độ, chính sách cho đội ngũ viên chức.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật về thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

- Đảm bảo đội ngũ viên chức được bố trí đúng vị trí việc làm, đáp ứng cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Viên chức xét thăng hạng phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp được xét thăng hạng theo quy định.

- Bảo đảm nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

III. THỰC TRẠNG CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC VÀ ĐỀ XUẤT THĂNG HẠNG, CHUYỂN ĐỔI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Thực trạng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc, trực thuộc Bộ

Hiện nay, Bộ Dân tộc và Tôn giáo có 07 đơn vị sự nghiệp công lập hưởng ngân sách nhà nước, gồm: Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo; Học viện Dân tộc và 05 Trường chuyên biệt. Qua rà soát cho thấy, tỷ lệ cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức tại các đơn vị hiện nay chưa đạt yêu cầu so với Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nguyên nhân chủ yếu là do trong nhiều năm chưa tổ chức xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp viên chức, đặc biệt đối với khối các trường chuyên biệt. Từ thời điểm các trường này được chuyển từ Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo), chưa thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, dẫn đến cơ cấu chức danh nghề nghiệp chưa đồng bộ, chưa phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm và thực tiễn sử dụng viên chức.

Qua tổng hợp nhu cầu của các đơn vị, cả 07 đơn vị sự nghiệp công lập nêu trên đều đề nghị xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp viên chức, làm cơ sở kiện toàn đội ngũ, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của viên chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị, cụ thể:

(1) Tạp chí nghiên cứu dân tộc, tôn giáo: Tỷ lệ chức danh chuyên viên và các chức danh nghề nghiệp đạt 85% so với cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp trong Đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

(2) Học viện Dân tộc: Tỷ lệ chức danh chuyên viên hành chính và giảng viên đạt 76% so với cơ cấu chức danh theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

(3) Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương: Tỷ lệ chức danh chuyên viên hành chính đạt 70%, chức danh giáo viên dự bị hạng I đạt 16%, giáo viên dự bị hạng II đạt 63% so với cơ cấu chức danh theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

(4) Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn: Tỷ lệ chức danh chuyên viên đạt 70%, chức danh giáo viên dự bị hạng I đạt 0%, giáo viên dự bị hạng II đạt 15,5% so với cơ cấu chức danh theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

(5) Trường Dự bị Đại học Dân tộc TP. Hồ Chí Minh: Tỷ lệ chức danh chuyên viên đạt 44%, chức danh giáo viên dự bị hạng I đạt 0%, giáo viên dự bị hạng II đạt 34,5% so với cơ cấu chức danh theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

(6) Trường Dự bị Đại học Dân tộc Nha Trang: Tỷ lệ chức danh chuyên viên đạt 52%, chức danh giáo viên dự bị hạng I đạt 30%, giáo viên dự bị hạng II đạt 2,7% so với cơ cấu chức danh theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

(7) Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc: Tỷ lệ chức danh chuyên viên đạt 81%, chức danh giáo viên dự bị hạng I đạt 18,5%, giáo viên dự bị hạng II đạt 72,5% so với cơ cấu chức danh theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

2. Nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của các đơn vị

a) Thăng hạng từ Chuyên viên chính và tương đương lên Chuyên viên cao cấp và tương đương: **02** viên chức.

b) Thăng hạng từ Chuyên viên và tương đương lên Chuyên viên chính và tương đương: **13** viên chức.

c) Thăng hạng từ Giáo viên dự bị đại học và THPT hạng II lên Giáo viên dự bị đại học và THPT hạng I: **21** viên chức.

d) Thăng hạng từ Giáo viên dự bị đại học và THPT hạng III lên Giáo viên dự bị đại học và THPT hạng II: **125** viên chức.

đ) Thăng hạng từ Cán sự và tương đương lên Chuyên viên và tương đương: **04** viên chức.

e) Thăng hạng từ Giáo viên dự bị đại học và THPT hạng IV lên Giáo viên dự bị đại học và THPT hạng III: **02** viên chức.

(Phụ lục 01)

3. Nhu cầu chuyển đổi chức danh nghề nghiệp

a) Chuyển đổi chức danh Chuyên viên cao và tương đương: 01 viên chức.

b) Chuyển đổi chức danh Chuyên viên chính và tương đương: 02 viên chức.

c) Chuyển đổi chức danh nghề nghiệp hạng II: 02 viên chức.

d) Chuyển đổi chức danh Chuyên viên và tương đương: 08 viên chức.

đ) Chuyển đổi chức danh nghề nghiệp hạng III: 9 viên chức.

(Phụ lục 02)

IV. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Đối tượng

Viên chức hành chính đang giữ chức danh Chuyên viên và các chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương trở lên làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo, bao gồm: Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo; Học viện Dân tộc; Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương;

Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn; Trường Dự bị Đại học Dân tộc TP. HCM; Trường Dự bị Đại học Dân tộc Nha Trang; Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện

a) Tiêu chuẩn xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I, hạng II theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

b) Tiêu chuẩn xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng I, hạng II theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

c) Tiêu chuẩn xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp, Giảng viên chính thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Thông tư số 05/2024/TT-BGDĐT ngày 29/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và các trường cao đẳng sư phạm.

d) Tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng ngạch đối với các viên chức hành chính khác gồm: Kế toán viên lên Kế toán viên chính, Chuyên viên lên Chuyên viên chính và chuyển đổi chức danh thực hiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Điều 6, Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ...

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, gồm:

1. Văn bản cử viên chức xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp viên chức của đơn vị;

2. Sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét, thăng hạng chức danh nghề nghiệp và có xác nhận của đơn vị sử dụng viên chức;

3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

4. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch, chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp người đăng ký xét thăng hạng có văn bằng, chứng chỉ nước ngoài thì yêu cầu phải dịch thuật qua Tiếng Việt do cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ; Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Bản sao các Quyết định/Thông báo tuyển dụng; Quyết định bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/xếp hạng chức danh nghề nghiệp; Quyết định nâng lương gần nhất được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của mỗi viên chức được bỏ vào bì thư đựng riêng theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 11 Thông tư số 07/2019/TT- BNV.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

VI. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ TRÌNH TỰ XÉT THĂNG HẠNG, CHUYỂN ĐỔI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Nội dung, hình thức xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 39 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, cụ thể:

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ theo quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được quy định tại Điều 32 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

2. Trình tự

Thực hiện theo quy định của Luật Viên chức, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, Thông tư số 001/2025/TT-BNV và các văn bản có liên quan.

VII. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp viên chức là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định, được

Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp.

2. Trường hợp đơn vị có số lượng viên chức xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;
- b) Viên chức là nữ;
- c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quyết định người trúng tuyển theo quy định.

VIII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM XÉT THĂNG HẠNG, CHUYỂN ĐỔI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Thời gian tiếp nhận Hồ sơ: Thực hiện trong tháng 01/2026 (có thông báo thời gian cụ thể).

2. Thời gian tổ xét thăng hạng: Hoàn thành trong tháng 3/2026.

3. Địa điểm tiếp nhận Hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, hoặc qua dịch vụ bưu chính.

4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức và phí xét nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2025: Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xét thăng hạng từ cán sự, nhân viên lên Chuyên viên, thăng hạng từ hạng IV lên hạng III và tương đương, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp hạng III và chuyên viên

Bộ trưởng ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thành lập Hội đồng xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức theo thẩm quyền.

2. Bộ trưởng thành lập Hội đồng xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp viên chức từ Chuyên viên lên Chuyên viên chính và chức danh hạng III lên hạng II trở lên

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (được gọi tắt là Hội đồng) do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quyết định thành lập. Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên (*Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP*).

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết. Hội đồng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và tại Điều 5 Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025.

Hội đồng được sử dụng tài khoản, con dấu của Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong quá trình tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thành lập Ban giám sát, gồm: Trưởng ban giám sát, Phó Trưởng ban giám sát, thành viên ban giám sát và thành viên kiêm Thư ký Ban giám sát. Ban giám sát thực hiện việc giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 001/2025/TT-BNV.

4. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ

Thông báo công khai đến viên chức, đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có) về các văn bản và Đề án tổ chức xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2026.

Cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp theo quy định và chịu trách nhiệm về lý lịch, phẩm chất, văn bằng, chứng chỉ và các tiêu chuẩn khác của viên chức cử xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp viên chức.

Văn bản cử viên chức xét thăng hạng, chuyển đổi chức danh nghề nghiệp của các đơn vị phải kèm theo danh sách viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét (*Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP*).

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ qua Vụ Tổ chức cán bộ để trình Lãnh đạo Bộ xem xét, giải quyết./.

.....



**BIỂU TỔNG HỢP CƠ CẤU CHỨC DANH VÀ ĐỀ XUẤT THĂNG HẠNG CHỨC DANH
NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC BỘ**

(Kèm theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức)

STT	Đơn vị	Chuyên viên cao cấp và tương đương			Chuyên viên chính và tương đương			Chuyên viên và tương đương			Giáo viên DBĐH hạng I, tương đương			Giáo viên DBĐH hạng II, tương đương			Giáo viên DBĐH hạng III, tương đương		
		Theo ĐA VTVL	Số hiện có	Đề xuất nâng ngạch	Theo ĐA VTVL	Số hiện có	Đề xuất nâng ngạch	Theo ĐA VTVL	Số hiện có	Đề xuất nâng ngạch	Theo ĐA VTVL	Số hiện có	Đề xuất thăng hạng	Theo ĐA VTVL	Số hiện có	Đề xuất thăng hạng	Theo ĐA VTVL	Số hiện có	Đề xuất thăng hạng
1	Trường DBĐH DTTW			0	9	1	2	21	20	2	12	2	5	52	33	18	27	64	2
2	Trường DBĐH Sầm Sơn			0	10	0	3	21	21	1	9	0	0	45	7	30	36	58	0
3	Trường DBĐH TP HCM			0	5	0	2	22	11	0	6	0	3	29	10	9	22	31	0
4	Trường DBĐH Nha Trang			0	4	0	0	19	12	1	3	1	0	37	1	26	10	44	0
5	Trường Vùng cao Việt Bắc			0	0	0	0	27	22	0	16	3	13	84	61	36	64	94	0
6	Học viện Dân tộc	6	4	2	28	22	7	18	26	0			0			0			0
7	Tạp chí nghiên cứu DTTG			0	3	2	1	17	15	0			0			0			0
	TS đề xuất thăng hạng			2			13			4			21			125			2

**BIỂU TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC BỘ**
(Kèm theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức)

STT	Đơn vị	Chuyển đổi chức danh Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyển đổi chức danh Chuyên viên chính và tương đương	Chuyển đổi chức danh Chuyên viên và tương đương	Chuyển đổi chức danh Giáo viên DBĐH hạng I, tương đương	Chuyển đổi chức danh Giáo viên DBĐH hạng II, tương đương	Chuyển đổi chức danh Giáo viên DBĐH hạng III, tương đương
1	Trường DBĐH DTTW						2
2	Trường DBĐH Sầm Sơn						
3	Trường DBĐH TP HCM			2			
4	Trường DBĐH Nha Trang					1	2
5	Trường Vùng cao Việt Bắc			1		1	5
6	Học viện Dân tộc	1	2	5			
7	Tạp chí nghiên cứu DTTG						
	Tổng đề xuất chuyển ngạch	1	2	8		2	9